

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DSST

Ngày 05-7-2024

V/v "Tranh chấp hợp
đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lây

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Tuy Phong

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong** tham gia phiên tòa: Bà
Võ Thị Bích Nga - Kiểm sát Viên

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy
Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS, ngày
23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc "Tranh chấp hợp đồng
tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐST-DS, ngày
29/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐ-HPT ngày 17/6/2024 của
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín**

Địa chỉ trụ sở: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám
Đốc

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận – PGD R,
Địa chỉ: Thôn L1, xã H, huyện PH, tỉnh Bình Thuận

Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Văn Trường A - Chức vụ: Trưởng Phòng
giao dịch; Do ông Nguyễn Văn P - Phó trưởng phòng giao dịch đại diện theo ủy
quyền của trưởng phòng; Có mặt.

2. Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Tâm Th**, năm sinh: 1986; Địa chỉ: khu phố S, thị
trấn R, huyện PH, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 14 tháng 11 năm 2023 và những
lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn**

Phước trình bày : Ngày 17/12/2020, bà Nguyễn Thị Tâm Th có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận – PGD R Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 970403-7786 theo các nội dung như sau:

Hạn mức sử dụng thẻ: 15.000.000 đồng

Mục đích: tiêu dùng

Lãi suất: 2,77%/tháng

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Th đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 10.066.000 đồng. Số tiền lãi, phí phát sinh là 23.515.609 đồng (chi tiết theo sao kê đính kèm).

Tính đến ngày 05/7/2024, bà Th còn nợ ngân hàng số tiền là 27.949.709 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Th vẫn không có Th chí trả nợ. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Th và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Tâm Th có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Tâm Th vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tâm Th phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền 27.949.709 đồng, có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng và phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tâm Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH phát biểu:

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp nhận, công khai chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 117 của Bộ Luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức Tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân

hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2009/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc bà Nguyễn Thị Tâm Th hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 27.949.609 đồng (bao gồm dư nợ gốc và lãi quá hạn) tính ngày 05/7/2024. Kể từ ngày 06/7/2024 bên vay còn phải chịu lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Tâm Th phải chia án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Do bà Nguyễn Thị Tâm Th thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú cho nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Tâm Th có nơi cư trú tại khu phố S, thị trấn R, huyện PH, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Bình Thuận.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tâm Th phải có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2024 cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 17/12/2020 mà hai bên đã ký kết với số tiền 27.949.609 đồng và xuất trình các tài liệu, chứng cứ để chứng minh, bị đơn vắng mặt không có lời trình bày. Đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân không vì mục đích lợi nhuận mà chỉ phục vụ sinh hoạt của gia đình với Tổ chức tín dụng tại Ngân hàng được xác định đây là tranh chấp về giao dịch dân sự và thuộc quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự được điều chỉnh bởi Bộ Luật dân sự và Luật tổ chức tín dụng.

[4]. Xét cơ sở xác lập các hợp đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, Ngân hàng có xuất trình toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với bà Nguyễn Thị Tâm Th cụ thể: Tại Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 17/12/2020; cùng các loại chứng từ khác có liên quan.

Hợp đồng tín dụng trên là quan hệ giao dịch ký kết được thực hiện bằng hình thức hợp đồng cấp thẻ tín dụng, nhằm mục đích tạo điều kiện có lợi cho các

bên, một bên thì thu lợi nhuận từ tiền lãi, một bên có vốn để phục vụ nhu cầu sinh hoạt đời sống gia đình và hợp đồng ký kết được pháp luật công nhận không trái với quy chế của Tổ chức tín dụng, việc ký kết là sự tự nguyện của các bên không bên nào ràng buộc bên nào. Sau khi ký kết hợp đồng bên cấp thẻ không thực hiện thanh toán và đã vi phạm việc trả gốc và lãi đã để nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng làm đơn khởi kiện.

[5]. Xét yêu cầu của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa đã tiến hành giao nhận thông báo thụ lý vụ án và thông báo kết quả hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý phản hồi đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Thuận, đây được coi là đương sự đã từ bỏ ý kiến phản bác đối với nguyên đơn. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Thuận làm đơn khởi kiện bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả nợ cho Ngân hàng tại các hợp đồng cấp thẻ tín dụng mà bà Th ký kết là có cơ sở.

Xét số dư nợ còn lại, tiền lãi phát sinh theo kỳ và các chi phí khác mà Ngân hàng yêu cầu cụ thể: Tại các Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 17/12/2020 Ngân hàng đã tính đúng thời hạn, đúng mức lãi suất đã điều chỉnh theo phân kỳ được ký kết ghi trong hợp đồng tín dụng mà Văn bản của hệ thống Ngân hàng Việt Nam quy định, bao gồm tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và chi phí phát sinh khác phù hợp với quy định của Tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[6]. Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát về điều luật áp dụng và đưa ra các luận cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Tâm Th có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng như đã phân tích ở trên, số tiền bà Nguyễn Thị Tâm Th còn nợ Ngân hàng số tiền 27.949.609 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Tâm Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận với tổng số tiền 27.949.609 đồng, trong đó nợ gốc 15.665.554 đồng, nợ lãi 12.284.055 đồng.

[7]. Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468, Bộ Luật dân sự; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 hướng dẫn quy định về hợp đồng cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng; khoản 2 Điều 92, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2009/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với bà Nguyễn Thị Tâm Th về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị Tâm Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận - Phòng Giao dịch R với tổng số tiền **27.949.609đ** (hai mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng), trong đó nợ gốc **15.665.554đ** (mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi **12.284.055đ** (mười hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng).

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Tâm Th phải nộp **1.397.000đồng** (một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận số tiền **550.000đ** (năm trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000559 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH.

Kể từ ngày 06/7/2024, bà Nguyễn Thị Tâm Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

4. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

(đã ký)

Lý Văn Lầy